TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ - ST
Ngày 12/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Triệu Thị Huyền**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Văn Tuyền**; bà **Phạm Thị Loan**
- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Xuân** - Thư ký Toà án nhân dân huyện B;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Minh Phong** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị C**. Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn – có mặt.

Bị đơn: anh **Nông Văn T**. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2019, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Triệu Thị C trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nông Văn T kết hôn vào ngày 15/12/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, đến năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp

tục chung sống với nhau nên chị khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh Nông Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nông Nhật D sinh ngày 22/5/2016. Chị Triệu Thị C có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục chăm sóc con chung và không yêu cầu anh Nông Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nông Văn T: Tại bản khai ngày 20/6/2019 anh T khai: Anh và chị Triệu Thị C kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, cuộc sống vợ chồng sau kết hôn không hạnh phúc, có nhiều bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2018, từ khi sống ly thân không còn quan tâm tới nhau. Tuy nhiên nay chị C làm đơn ly hôn anh không nhất trí vì còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung, anh T nhất trí với ý kiến của chị C. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai thống nhất như chị C.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành các thủ tục niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Nông Văn T để tham gia tố tụng tại Toà án nhưng anh T nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được nên Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không đến Toà án làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Toà án.

* Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 227 Bộ luật tố dõn sự Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Nhật D sinh ngày 22 /5/2016 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

* Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Triệu Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được vì bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (lần thứ nhất bị đơn trực tiếp nhận giấy triệu tập, lần thứ hai tiến hành niêm yết giấy triệu tập vì bị đơn từ chối gặp) nhưng vẫn cố tình vắng mặt được qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 13 tháng 8 năm 2019 Toà án đã mở phiên toà xét xử vụ án nhưng do bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà. Sau khi hoãn phiên toà thì Toà án đã tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên toà, Giấy triệu tập phiên toà và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay bị đơn vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng với qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị C và anh Nông Văn T là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ngày 15/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, từ giữa năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân.

Tại phiên toà hôm nay chị C cho rằng mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Từ khi ly thân đến nay (tính đến ngày xét xử) chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau, mỗi người tự đi làm lo cho cuộc sống của mình. Nay chị xác định đã không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn.

Xác minh tại địa phương và hai bên gia đình thể hiện: Anh T đi làm thuê tại thành phố Bắc Kạn vẫn thường xuyên về nhà, kể từ khi ly thân anh T không lần nào đến thăm vợ con, chị C cũng không quay lại chung sống với anh T nữa.

ý kiến của anh T nêu tại bản khai là không muốn ly hôn nhưng anh cũng thừa nhận là từ khi vợ chồng ly thân thì đã không còn quan tâm nhau nữa. Điều đó chứng tỏ anh T đã không còn muốn chung sống với chị C và cũng cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, tình trạng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị C với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nông Nhật D, sinh ngày 22/5/2016. Chị C có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Thực tế, từ khi vợ chồng ly thân đến thời điểm xét xử thì chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Hiện nay chị C có việc làm tại Công

ty may Bắc Kạn thu nhập khá ổn định (căn cứ bảng lương hằng tháng do công ty trả). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến mười tám tuổi là phù hợp.

Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi con chung nhưng pháp luật dành cho anh T quyền, nghĩa vụ được thăm nom con không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị C cho rằng hiện nay chị đang có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Triệu Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[6]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên toà của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị C được ly hôn anh Nông Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Nông Nhật D sinh ngày 22 tháng 5 năm 2016 cho chị Triệu Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Nông Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Triệu Thị C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm

ứng án phí đã nộp tại biên lai số 08701 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Q (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Triệu Thị Huyền